

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày: 28/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc Kiếm

2. Ông Lê Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký, TAND TP.Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 04/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn T, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038098007367; Con ông: Ngô Văn T1, sinh năm 1978; Con bà: Lê Thị A, sinh năm 1979; Vợ: Đỗ Thị Quỳnh M, sinh năm 1997. Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/3/2023 bị Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 5.000.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã nộp phạt).

Tạm giữ từ ngày 01/3/2024. Tạm giam ngày 06/3/2024 tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thu T2, sinh năm 1989

Nơi ĐKKH: SN 69 đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: SN 59/29 đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038189003588; Con ông: Bùi Đình Q, sinh năm 1959; Con bà: Lê Thị T3, sinh năm 1960; Chồng: Trần Văn T4, sinh năm 1987 (Đã ly hôn). Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012;

Nhân thân:

- Tại bản án số 08/2020/HSST ngày 10/02/2020 của TAND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 27/01/2022 chấp hành xong hình phạt tù: Ngày đã nộp án phí.

- Ngày 09/9/2024, bị Công an Thành phố T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.500.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tạm giữ từ ngày 29/02/2024 . Tạm giam từ ngày 06/3/2024 tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Tào Ngọc M1; Sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038200011160; Con ông: Tào Ngọc C (Đã chết); Con bà: Lê Thị T5, sinh năm 1977; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 2001. Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 08/7/2024 . Tạm giam từ ngày 14/7/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 29/02/2024, tại khu vực Trường L, đường T, phường Q, thành phố T. Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố T phát hiện, bắt quả tang Bùi Thu T2 về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy”. Thu giữ của T2 01 vỏ bao thuốc lá bên trong có 01 túi nilong màu trắng chứa 28 viên nén màu xám và 01 túi nilon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tại chỗ, Bùi Thu T2 khai nhận là ma túy loại thuốc lắc và Ketamine, T2 mua hộ cho Tào Ngọc M1 để M1 bán kiếm lời. Tổ công tác đã đưa T2 cùng tang vật về trụ sở Công an phường Q, thành phố T lập biên bản.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Thu T2 thu giữ 01 túi nilong màu trắng, kích thước (2x2)cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thu T2 khai nhận: Vào trưa ngày 28/02/2024, T2 đi uống Cafe cùng với Tào Ngọc M1, Trần Thị H (là vợ của M1) và Hoàng Thị

H1, sinh năm 1990, trú tại phòng 410 CT1, chung cư H, phường L, thành phố T. Quá trình ngồi uống Cafe M1 nói chuyện riêng với T2, M1 nhờ T2 mua hộ 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) ma túy thuốc lắc và Ketamine để M1 bán, T2 đồng ý. Sau đó T2 nói với M1 chuyển tiền vào tài khoản của H1, M1 lấy máy điện thoại của H dùng tài khoản của H chuyển số tiền 12.500.000đ vào tài khoản của H1. Sau khi uống Cafe xong, M1 chở H về, còn H1 chở T2 về. Trên đường về H1 nói với T2 là M1 chuyển 12.500.000đ vào tài khoản của H1 cho T2. Sau đó T2 bảo H1 chuyển tiền lại vào tài khoản cho T2.

Khi về đến nhà T2 gọi điện cho Ngô Văn T nhờ T mua hộ 12.500.000đ tiền ma túy thuốc lắc và Ketamine để bán, T đồng ý và nói với T2 để T liên hệ. Sau đó T liên hệ qua ứng dụng Telegram cho một người thanh niên tên T6 hỏi mua 12.500.000đ tiền ma túy thuốc lắc và Ketamine, T6 nói số tiền trên mua được 28 viên ma túy thuốc lắc và 02 chỉ Ketamine, T đồng ý. T6 hẹn T đến khu vực gần chùa B, phường Q, thành phố T để giao dịch ma túy. Sau khi thống nhất được số lượng ma túy với T6, T gọi điện lại cho T2 để báo số lượng ma túy thì T2 đồng ý và bảo T tới qua nhà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1997, trú tại đường P, phường Đ, thành phố T (là bạn của T2) mà lấy tiền và lấy luôn tiền T2 nợ T 20.500.000đ. Tổng là 33.000.000đ. Sau đó T2 gọi điện cho V nhờ V rút tiền mặt hộ, V đồng ý. T2 chuyển vào tài khoản của V số tiền 33.000.000đ. Sau khi rút được tiền, V gọi điện cho T2, T2 nói với V là cứ cầm lấy rồi tới T sẽ qua lấy. Đến tối cùng ngày, T qua nhà V lấy số tiền 33.000.000đ. Sau khi lấy được tiền, T đến khu vực gần chùa B gặp T6, T đưa cho T6 số tiền 12.500.000đồng, T6 chỉ xuống dưới đất gần bờ ruộng, T đi lại gần và lấy được 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 28 viên ma túy thuốc lắc và 01 túi nilon chứa Ketamine. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà lấy một ít Ketamine bỏ vào tờ tiền mệnh giá 5.000đ cất ở nóc tủ quần áo để khi nào có ai hỏi mua T sẽ bán. Số ma túy còn lại T cất giấu vào trong bao thuốc lá. Sáng ngày 29/02/2024, T gọi điện cho T2 nói đã mua được ma túy. T2 nói với T khi nào lấy sẽ gọi, sau đó M1 gọi điện qua M2 cho T2 hỏi đã mua được ma túy chưa. T2 nói với M1 đã liên hệ mua được 28 viên thuốc lắc và 02 chỉ Ketamine và hẹn M1 tới lên nhà T2 mà lấy. Đến tối cùng ngày, T2 gọi cho T để lấy ma túy thì T nói với T2 ma túy bỏ trong bao thuốc lá đặt chỗ gốc cây si, gần chùa V2, phường Q, thành phố T, cách nhà T 400m. Sau đó T2 một mình đi đến khu vực trên, nhặt bao thuốc lá kiểm tra thì thấy bên trong có 28 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine. Sau khi lấy được ma túy, T2 cầm trên tay trái và đi bộ đến khu vực Trường L, đường T, phường Q, thành phố T thì bị Công an thành phố T kiểm tra bắt quả tang, thu giữ tang vật và đưa T2 về trụ sở Công an phường Q, thành phố T để lập biên bản.

Sáng ngày 01/03/2024, Ngô Văn T đến Công an thành phố T xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi mua hộ 28 viên ma túy thuốc lắc và 02 chỉ Ketamine cho T2 để bán.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn T, thu giữ 01 mảnh tờ tiền mệnh giá 5.000đ bên trong chứa chất bột màu trắng. T khai nhận là ma túy loại Ketamine của T, cất giấu để bán kiếm lời.

Ngày 08/07/2024, Tào Ngọc M1 đến Công an thành phố T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi nhờ Bùi Thu T2 mua hộ 12.500.000đ tiền ma túy thuốc lắc và Ketamine để M1 bán kiếm lời.

Tại bản kết luận giám định số 906/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định, kết luận:

- 28 viên nén màu xám bên trong túi nilon thu giữ khi bắt quả tang Bùi Thu T2 có tổng khối lượng 11,238g, là ma túy, loại MDMA.

- Các hạt tinh thể màu trắng bên trong túi nilon màu trắng khi bắt quả tang Bùi Thu T2 có tổng khối lượng 2,858g, là ma túy, loại Ketamine.

- Các hạt tinh thể màu trắng bên trong túi nilon màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Bùi Thu T2 có tổng khối lượng 0,242g, là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng bên trong mảnh tờ tiền mệnh giá 5.000đ thu giữ khi khám xét nơi ở của Ngô Văn T có tổng khối lượng 0,109g, là ma túy, loại Ketamine.

***Về vật chứng thu giữ xử lý:**

- 01 phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định (ma túy).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, số Imei: 355690073215914, bên trong gắn sim số 0979490363. Thu giữ của Bùi Thu T2 dùng để trao đổi mua bán ma túy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, bên trong gắn sim số 0978202890; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max mặt trước và mặt sau bị vỡ kính, số Imei: 357277094671214. Thu giữ khi khám xét của Ngô Văn T dùng để trao đổi mua bán ma túy;

- 01 vỏ hộp cây thuốc lá, trên vỏ hộp có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026500” và 01 vỏ bao thuốc lá, trên vỏ bao có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026517”.

Toàn bộ vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, các bị cáo Ngô Văn T, Bùi Thu T2 và Tào Ngọc M1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T và M1 sau khi phạm tội đã đến Công an thành phố T đầu thú.

- Đối với Trần Thị H, Hoàng Thị H1 và Lê Thị Thanh V không biết việc M1 và T2 nhờ chuyển tiền và nhận tiền qua tài khoản với mục đích gì nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người nam giới tên T6 bán ma túy cho Ngô Văn T tại khu vực bờ ruộng gần chùa B, phường Q, thành phố T. Theo T khai không biết địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh đặc điểm của T6 như T khai báo; đồng thời tiến hành rà soát Camera khu vực xung quanh địa điểm trên nhưng không có Camera nên không xác định được nhân thân, lai lịch của người tên T6; Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với T6.

- Đối với 0,242g ma túy, loại Ketamine thu giữ khi khám xét nơi ở của Bùi Thu T2. T2 khai báo đã mua từ lâu và không nhớ mua của ai, mua từ thời gian nào và cất giấu với mục đích để sử dụng nên không có căn cứ để xác minh và xử lý người bán số ma túy trên cho T2. Đối với hành vi tàng trữ 0,242g ma túy, loại Ketamine của Bùi Thu T2 chưa đủ định lượng và nhân thân bị cáo đã được xóa án tích về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra chuyển Công an T xử phạt vi phạm hành chính theo điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 294/CT-VKSTP ngày 03/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Ngô Văn T, Bùi Thu T2 và Tào Ngọc M1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo trong Cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ điểm p Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Ngô Văn T và Tào Ngọc M1.

Căn cứ điểm p Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Bùi Thu T2.

Đề nghị xử phạt:

- Tào Ngọc M1 từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/7/2024.

- Bùi Thu T2 từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/02/2024.

- Ngô Văn T từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/3/2024.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì đựng ma túy niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 vỏ hộp cây thuốc lá, trên vỏ hộp có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026500”; 01 vỏ bao thuốc lá, trên vỏ bao có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026517”.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 29/02/2024, tại khu vực Trường L, đường T, phường Q, thành phố T. Tổ công tác đội CSĐTTP về ma túy - Công an thành phố T phát hiện, bắt quả tang Bùi Thu T2 có hành vi “mua bán trái phép chất ma túy”. Tại chỗ thu giữ 28 viên nén màu xám là ma túy, loại MDMA có khối lượng 11,238g và 01 túi nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng có khối lượng 2,858g, là ma túy, loại Ketamine.

Số ma túy này T2 khai nhận đã mua của Ngô Văn T cho Tào Ngọc M1 về bán lại kiếm lời. Ngoài ra T còn có hành vi tàng trữ 0,109g, là ma túy, loại Ketamine khi T mua ma túy về cho T2 đã lấy bớt lại cất giấu mục đích để bán kiếm lời. Như vậy khối lượng ma túy các bị cáo mua bán trái phép là 11,238g MDMA và 2,967 Ketamine. Tổng khối lượng hai loại ma túy trong vụ án tương đương 12,09g MDMA hoặc tương đương 40,3g Ketamine.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết

luận các bị cáo Ngô Văn T, Bùi Thu T2 và Tào Ngọc M1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 251 BLHS.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ không chịu khó lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân muốn làm giàu bằng con đường phi pháp dẫn đến hành vi phạm tội. Các bị cáo mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời để có tiền tiêu sài cho cá nhân.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này tuy có nhiều bị cáo tham gia thực hiện phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

- Đối với bị cáo Tào Ngọc M1 là người trực tiếp nhờ T2 mua ma túy về bán kiếm lời; đồng thời M1 là người trực tiếp chuyển tiền qua H1 cho T2 để T2 đi mua ma túy; T2 đồng ý ngay và đã liên hệ với T để mua ma túy về bán lại cho M1 kiếm lời. Sau đó M1 đem ma túy đi bán nếu có người hỏi mua để kiếm lời nên M1 phải giữ vai trò thứ nhất trong vụ án là phù hợp.

- Đối với bị cáo Bùi Thu T2 sau khi được M1 nhờ mua ma túy đã trực tiếp gọi điện cho T nhờ T mua ma túy về cho M1 bán kiếm lời; Đối với Ngô Văn T là người trực tiếp mua ma túy của T2 về cho T2 để bán kiếm lời; do đó T2 và T có vai trò ngang nhau và xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án sau M1 là phù hợp.

5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Các tình tiết tăng nặng:*

Các bị cáo Ngô Văn T, Bùi Thu T2 và Tào Ngọc M1 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tuy nhiên bị cáo T và bị cáo T2 có nhân thân không tốt: Ngày 27/3/2023 T bị Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 10/02/2020 T2 bị TAND huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 13 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- *Các tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra các bị cáo T, M1 sau khi phạm tội đã đến Công an thành phố T đầu thú nên các bị cáo đều được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Xử lý vật chứng:

- Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a Khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với 01 vỏ hộp cây thuốc lá, trên vỏ hộp có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026500”; 01 vỏ bao thuốc lá, trên vỏ bao có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026517”. Các vật chứng này không có giá trị và không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật theo điểm c khoản 2 điều 106 BLTTHS.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max. Đây là vật chứng các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm p Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 ; Điều 58 ; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Tào Ngọc M1, Ngô Văn T.

- Căn cứ điểm p Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 ; Điều 58 ; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Bùi Thu T2.

Tuyên bố: Các bị cáo Tào Ngọc M1, Bùi Thu T2 và Ngô Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Tào Ngọc M1 08 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/7/2024.

Xử phạt: Bùi Thu T2 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/02/2024.

Xử phạt: Ngô Văn T 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/3/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật gồm: 01 phong bì đựng ma túy còn lại sau giám định, được đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa ; 01 vỏ hộp cây thuốc lá, trên vỏ hộp có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026500”; 01 vỏ bao thuốc lá, trên vỏ bao có ký tự “RAISON ORANGE CAFÉ”, số mã vạch “8801116026517”. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 04/2025/THA ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, số Imei 355690073215914, điện thoại gắn kèm sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 Model: TA-1010 màu xanh, điện thoại gắn kèm sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số Imei 357277094671214, điện thoại gắn kèm sim, mặt trước và mặt sau bị vỡ màn hình. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 04/2025/THA ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Buộc các bị cáo Tào Ngọc M1, Ngô Văn T và Bùi Thu T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP.Thanh Hoá;
- CATP.Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSTP.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Lý